

Bản án số: **46/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 29/7/2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Viết Ân**

2. Ông **Phạm Văn Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/7/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

HKTT: **ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Anh **Phạm Thái T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Chị và anh **Phạm Thái T** trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong một thời gian, đến năm 2018 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 28/5/2018. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị **H** trình bày: do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh **T** không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, chửi bới, đánh đập chị. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do cuộc sống hôn nhân của chị và anh **T** không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Phạm Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 18/12/2019, hiện tại cháu đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Phạm Thái T, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H và anh T ly hôn; về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 18/12/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Thái T, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Thái T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Thái T đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thái T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2018, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2018 ngày 28/5/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy:

Theo trình bày của chị H thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T không có trách nhiệm với gia đình, đánh đập,

chửi bới chị, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh T vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh T không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 của Luật HN&GD năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, thể hiện chị không còn tình cảm với anh T và không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 18/12/2019, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị H thì thấy, cháu Q bị bệnh tự kỷ từ nhỏ, từ khi sinh ra đến nay đều do chị là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q, trong suốt quá trình ly thân anh T không quan tâm, chăm sóc cháu Q. Hiện tại chị H có công việc và thu nhập ổn định và có mẹ phụ giúp chăm sóc con. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Q thì thấy nên cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có, do anh Thanh vắng m không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị H phải nộp án phí sơ thẩm về ly hôn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật HN và GD năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thái T.

- Về con chung: giao con chung cháu **Phạm Nguyễn Xuân Q**, sinh ngày 18/12/2019 cho chị **Nguyễn Thị H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Phạm Thái T**.

Anh **T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị **Nguyễn Thị H** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0012085 ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị **H** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Dương;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên